TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2024/DS-ST.

Ngày: 29/8/2024

V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Em

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2024/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q;**

Địa chỉ: A, L, Phường T, Quận C, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Q**

Địa chỉ: Số C, L, phường L, Quận B, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D - Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

- Ông Nguyễn Vạn P
- Ông Nguyễn Hoài N
- Ông Nguyễn Khắc H
- Ông Trần Quyết T1
- Ông Phạm Thành L
- Ông Nguyễn Quang H1

Địa chỉ: Số B, Võ Văn T, phường T, Quận N, Thành phố Cần Thơ

2. Bị đơn: **Bà Lê Thị Ấ,** sinh năm: 1954.

Địa chỉ: C, Ấp C, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ông Nguyễn Văn G,** sinh năm 1986.

Địa chỉ: C, Ấp C, xã N, Thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông N có mặt. Bà Ấ, ông G, ông P, ông H, ông T1 , ông L, ông H1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Q và bà Lê Thị Ấ có ký Hợp đồng cho vay số: 101313.19.855.5155430.TD ngày 22/5/2019: Số tiền vay: 250.000.000đồng. Mục đích vay: mua sắm đồ dùng gia đình. Thời hạn vay: 60 tháng kể tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Thời gian cho vay cụ thể được quy định trong từng văn bản nhận nợ. Lãi suất trong hạn: lãi suất thả nổi được quy định tại văn bản nhận nợ giữa MB và khách hàng. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Phương thức trả nợ: theo văn bản nhận nợ và các thỏa thuận khác nếu có

Ngân hàng thực hiện giải ngân số tiền vay cho bà Lê Thị Ấ vào ngày 23/5/2019 theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD 1914341161: Số tiền giải ngân: 250.000.000 đồng. Thời hạn vay: từ ngày 24/5/2019 đến 23/5/2024. Lãi suất trong hạn: Lãi suất vay kể từ ngày giải ngân là 11.2%/năm; Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là 23/8/2019. Các ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo vào các ngày 23/11, 23/02, 23/5, 23/8 hàng năm (Ngày điều chỉnh lãi suất) và được xác định bằng Lãi suất sản phẩm tiết kiệm trung dài hạn linh hoạt VNĐ kỳ hạn 24 tháng của MB xác định tại Ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ lãi suất 4.3%/năm. Lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.Lãi suất chậm trả lãi: 10% lãi suất trong hạn áp dụng cho phần lãi chậm trả.

Ngày 19/10/2021, Ngân hàng và bà Lê Thị Ấ ký Văn bản sửa đổi/Bổ sung Hợp đồng cho vay (V/v cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Hợp đồng cho vay số 101313.19.855.8155430.TD ký ngày 22/5/2019) số 101313.19.855.5155430.TD.PL1 gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ cho khách hàng, cụ thể: tiền gốc trả tương ứng vào ngày 05 hàng tháng, cụ thể từ tháng 11/2022 đến tháng 02/2023: 4.167.000 đồng; ngày 05/3/2023: 4.167.000đồng; Lãi trả tương ứng hàng tháng vào 05 từ tháng 11/2022 đến tháng 02/2023 và ngày 05/3/2023.

Bên cạnh đó, bà Lê Thị Ấ còn đăng ký phát hành thẻ tín dụng tại ngân hàng theo các Hợp đồng cụ thể như sau:

- Ngày 10/5/2019, bà Ấ đăng ký phát hành thẻ tín dụng tại MB theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/5/2019, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ cho bà Lê Thị Ấ cùng ngày 10/5/2019: Loại thẻ JVB; Hạn mức tín dụng thẻ được cấp là 20.000.000đồng; Lãi suất 27%/năm; Phương thức thanh toán: tiền mặt, TK trích nợ: 8550105076001.

- Ngày 31/12/2020, bà Ấ có đăng ký phát hành thẻ tín dụng tại MB theo Phụ lục Thông tin đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Ấ ngày 31/12/2020: Loại thẻ Visa Platinum; Hạn mức tín dụng thẻ được cấp là 150.000.000đồng; Lãi suất 27 %/năm; Phương thức thanh toán: tiền mặt, TK trích nợ: 8550105076001, ID thẻ: 98808825. Ngày 02/8/2021, Ngân hàng chấp nhận tăng hạn mức thẻ Visa của bà Lê Thị Ấ lên 200.000.000đồng theo Báo cáo đánh giá lại khách hàng ngày 02/8/2021.

Các Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bằng biện pháp thế chấp quyền tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 101314.19.855.5155430.BD ngày 22/5/2019. Hợp đồng được công chứng ngày 22/5/2019 tại Văn phòng C, tỉnh Bến Tre và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/5/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất: 66, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre; diện tích: 1.632.2m^2, mục đích sử dụng: đất vườn, thời hạn sử dụng: 12/2045; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 519461, số vào sổ cấp GCN: 00866 QSDĐ/2566 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 11/10/2002 cho hộ bà Lê Thị Ấ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Lê Thị Ấ đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ dẫn đến khoản vay bị quá hạn. Bà Lê Thị Ấ chỉ trả được cho MB số tiền nợ gốc 55.688.103 đồng, nợ lãi 886.313đồng, tổng cộng: 171.250.416đồng. Ngân hàng đã gửi thông báo yêu cầu bà Lê Thị Ấ trả nợ, yêu cầu bà Lê Thị Ấ và ông Nguyễn Văn G và bàn giao tài sản bảo đảm để xử lý theo đúng quy định nhưng bà Lê Thị Ấ và ông G không thực hiện. Do đó, nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ấ có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền 592.622.537 đồng gồm:

- Dư nợ theo Hợp đồng cho vay số: 101313.19.855.5155430.TD ngày 22/5/2019 và Văn bản sửa đổi/Bổ sung Hợp đồng cho vay ngày 19/11/2012 với số tiền tính đến ngày 29/8/2024 là 197.618.706 đồng gồm: nợ gốc: 133.324.000đồng, nợ lãi trong hạn: 24.977.601 đồng, nợ lãi quá hạn: 35.118.104 đồng, nợ lãi chậm trả: 4.199.001 đồng,

- Dư nợ thẻ tín dụng Visa: 393.062.932 đồng.

- Dư nợ thẻ tín dụng JCB: 1.940.899 đồng.

Buộc bà Ấ tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận quy định tại các hợp đồng nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, trường hợp bà Ấ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà Ấ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập bà

Lê Thị Ấ và ông Nguyễn Văn G tới Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Lê Thị Ấ và ông Nguyễn Văn G không đến, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Q khởi kiện bà Lê Thị Ấ yêu cầu trả số tiền 592.622.537 đồng. Xét quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Q và bà Lê Thị Ấ là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Bị đơn bà Lê Thị Ất cư t tại xã N, thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Bị đơn bà Lê Thị Ấ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị Ấ và ông Nguyễn Văn G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng cho vay số: 101313.19.855.5155430.TD ngày 22/5/2019 và Văn bản sửa đổi/Bổ sung Hợp đồng cho vay ngày 19/11/2012, Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/5/2019, Phụ lục Thông tin đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 31/12/2020 giữa Ngân hàng TMCP Q với bà Lê Thị Ấ được ký kết bằng văn bản, trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu trả số tiền 197.618.706 đồng theo Hợp đồng cho vay số: 101313.19.855.5155430.TD ngày 22/5/2019 và Văn bản sửa đổi/Bổ sung Hợp đồng cho vay ngày 19/11/2012: Ngân hàng TMCP Q đã thực hiện việc giải ngân số tiền 250.000.000đồng cho bà Ấ theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: 101313.19.855.5155430.TD ngày 22/5/2019. Việc bà Ấ không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng về việc trả lãi và vốn cho Ngân hàng TMCP Q là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 101313.19.855.5155430.TD ngày 22/5/2019, căn cứ vào khoản 8.3 Điều 8 Hợp đồng cho vay số: 101313.19.855.5155430.TD ngày 22/5/2019, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu buộc bà Ấ trả số tính đến ngày 29/8/2024 là 197.618.706 đồng gồm: nợ gốc: 133.324.000đồng, nợ lãi trong hạn: 24.977.601 đồng, nợ lãi quá hạn: 35.118.104 đồng, nợ lãi chậm trả: 4.199.001 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/8/2024 đến ngày bà Ấ trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: 101313.19.855.5155430.TD ngày 22/5/2019 là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Xét với yêu cầu trả toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng Dư nợ thẻ tín dụng JCB tính đến ngày 29/8/2024 số tiền 1.940.899 đồng: Xét thấy, Ngân hàng TMCP Q đã thực hiện việc cấp thẻ tín dụng cho bà Lê Thị Ấ theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/5/2019 và giao thẻ cho bà Ấ vào ngày 10/5/2019. Việc bà Ấ sử dụng thẻ thực hiện các giao dịch nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thông báo của ngân hàng đã vi

phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Điều 9 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ quốc tế ngày 10/5/2019 nên Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu bà Ấ trả toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 29/8/204 là 1.940.899 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/8/2024 đến ngày bà Ấ trả tất nợ cho Ngân hàng TMCP Q theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ quốc tế ngày 10/5/2019 là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.4] Xét với yêu cầu trả toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng Visa đến ngày 29/8/2024 số tiền 393.062.932 đồng: Xét thấy, Ngân hàng TMCP Q đã thực hiện việc cấp thẻ tín dụng cho bà Lê Thị Ấ theo thỏa thuận và giao thẻ cho bà Ấ vào ngày 19/01/2021. Việc bà Ấ sử dụng thẻ thực hiện các giao dịch nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thông báo của ngân hàng đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Điều 3 Mục D Phụ lục Thông tin đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế nên Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu bà Ấ trả toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 29/8/204 là 393.062.932 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/8/2024 đến ngày bà Ấ trả tất nợ cho Ngân hàng TMCP Q theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Phụ lục Thông tin đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ: xét thấy bà Lê Thị Ấ vay tiền của Ngân hàng TMCP Q có bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 101314.19.855.5155430.BD ngày 22/5/2019. Hợp đồng được công chứng ngày 22/5/2019 tại Văn phòng C, tỉnh Bến Tre và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/5/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất: 66; Tờ bản đồ: 10, Địa chỉ: xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Diện tích: 1.632.2m^2, mục đích sử dụng: Đất vườn, Thời hạn sử dụng: 12/2045; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 519461, số vào sổ cấp GCN: 00866 QSDĐ/2566 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 11/10/2002 cho hộ bà Lê Thị Ấ .

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên được giao kết trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Việc Ngân hàng TMCP Q yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bà Ấ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng nên được chấp nhận.

[3] Căn cứ theo quy định Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bà Lê Thị Ấ phải chịu án phí đối với yêu cầu được chấp nhận của ngân hàng là = 20.000.000đồng + 4% x (592.622.537đồng -400.000.000đồng) = 27.704.900 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng các Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q, cụ thể tuyên:

Buộc Bà Lê Thị Ấ c trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tính đến ngày 29/8/2024 là 592.622.537 (Năm trăm chín mươi hai triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn năm trăm ba mươi bảy) đồng gồm:

- Dư nợ theo Hợp đồng cho vay số: 101313.19.855.5155430.TD ngày 22/5/2019 và Văn bản sửa đổi/Bổ sung Hợp đồng cho vay ngày 19/11/2021 là 197.618.706 (Một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm mười tám nghìn bảy trăm lẻ sáu) đồng gồm: nợ gốc: 133.324.000 (Một trăm ba mươi ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn) đồng, nợ lãi trong hạn: 24.977.601 (Hai mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm lẻ một) đồng, nợ lãi quá hạn: 35.118.104 (Ba mươi lăm triệu một trăm mười tám nghìn một trăm lẻ bốn) đồng, nợ lãi chậm trả: 4.199.001 (Bốn triệu một trăm chín mươi chín nghìn không trăm lẻ một) đồng.

- Dư nợ thẻ tín dụng Visa theo Phụ lục Thông tin đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 31/12/2020 : 393.062.932 (Ba trăm chín mươi ba triệu không trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm ba mươi hai) đồng

- Dư nợ thẻ tín dụng JCB theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/5/2019: 1.940.899 (Một triệu chín trăm bốn mươi nghìn tám trăm chín mươi chín) đồng.

Kể từ ngày 30/8/2024, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Lê Thị Ấ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 101314.19.855.5155430.BD ngày 22/5/2019. Hợp đồng được công chứng ngày 22/5/2019 tại Văn phòng C, tỉnh Bến Tre và được chấp nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/5/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất: 66, tờ bản đồ: 10, địa chỉ: xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre, diện tích: 1.632.2m^2, mục đích sử dụng: đất vườn, thời hạn sử dụng: 12/2045; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 519461, số vào sổ cấp GCN: 00866 QSDĐ/2566 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 11/10/2002 cho hộ bà Lê Thị Ấ .

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Lê Thị Ấ có trách nhiệm chịu là 27.704.900 (Hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn chín trăm) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí là 12.670.000 (Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0004475 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chỉ cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương